



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Luật thương mại quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	01	1	9,0	01	Anh	le'
2	000002	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	01	2	8,0	01	Anh	chấn
3	000003	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	01	3	8,0	01	Bình	le'
4	000004	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	01	4	8,5	01	Diễm	chấn
5	000005	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	01	5	8,0	01	Duy	le'
6	000006	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	01	6	7,8	01	Hoàng	chấn
7	000007	1001080382	Đình Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	02	7	8,0	01	Anh	le'
8	000008	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	02	8	6,0	01	Anh	chấn
9	000009	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	02	9	8,5	01	Anh	le'
10	000010	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	02	10	6,0	1	Ngọc	chấn
11	000011	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	02	11	7,5	1	Ánh	le'
12	000012	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	02	12	6,0	01	Bảo	HPchấn
13	000013	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	02	13	7,0	01	Bích	le'
14	000014	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	02	14	7,0	1	Châu	chấn
15	000015	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	02	15	7,5	1	Đức	le'
16	000016	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	02	16	6,0	1	Hà	chấn
17	000017	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	02	17	7,0	1	Hào	le'
18	000018	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	02	18	7,5	1	Hiền	chấn
19	000019	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	02	19	8,5	1	Hiền	le'
20	000020	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	02	20	6,0	1	Hiệp	chấn
21	000021	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	02	21	8,5	1	Hồng	le'
22	000022	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	02	22	7,0	1	Huy	chấn
23	000023	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	02	23	5,8	1	Kiệt	le'
24	000024	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	02	24	6,3	1	Lan	chấn
25	000025	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	02	25	6,0	1	Linh	le'
26	000026	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	02	26	6,0	4	Linh	chấn
27	000027	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	02	27	7,5	1	Linh	le'
28	000028	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	02	28	8,0	01	Linh	chấn
29	000029	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	02	29	8,0	01	Linh	le'
30	000030	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	02					
31	000031	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	02	30	8,0	01	Mai	le'
32	000032	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	02	31	7,0	01	Mạnh	chấn
33	000033	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	02	32	7,0	01	Minh	le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
34	000034	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	02	33	7,0	1	Ngoài	chấn
35	000035	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	02	34	7,5	2	Mi	lẻ
36	000036	1001080413	Chu Lan	Phuong	14/06/2004	TM10A	02	35	5,3	1	Phuong	chấn
37	000037	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	02	36	6,5	1	phượng	lẻ
38	000038	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	02	37	6,8	1	Son	chấn
39	000039	1001081437	Hồ Lê Phuong	Thảo	23/10/2004	TM10A	02	38	7,5	1	Thảo	lẻ
40	000040	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	02	39	5,5	1	Thảo	chấn
41	000041	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	02	40	6,5	1	Trang	lẻ
42	000042	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	02	41	5,8	1	Tùng	chấn
43	000043	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	02	42	7,5	1	Vân	lẻ
44	000044	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	02	43	6,8	1	Vy	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....43

Tổng số tờ giấy thi:.....44

Tổng số biên bản:.....0

Ngày ..13.. tháng ..06.. Năm ..2025..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Hoàng Thị Duyên


Trương Thị Tuyết Nga